TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI – TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **29**/2025/DS-ST
Ngày: 20 – 3 - 2025
V/v tranh chấp: "*Hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đặng Hoàng Mích
2. Ông Nguyễn Văn Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 404/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp: "*Hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:40/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên Tòa số: 30/2025/QĐST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Trần Quốc T**, sinh ngày 19/6/1984 (Có mặt)
Địa chỉ: Số 553 P, phường 4, quận 8, thành phố H.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:
Anh Trần Chí T, sinh năm: 1981 (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện B, tỉnh T.
Tham gia tố tụng theo Hợp đồng ủy quyền lập ngày 13/9/2024.
- *Bị đơn:* **Cao Văn L**, sinh năm: 1975 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp V, xã Đ, huyện B, tỉnh T.
Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:
Bà **Trần Thị Nđương sự trong vụ án .**
Tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền lập ngày 26/02/2025.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
Trần Thị N, sinh năm: 1980 (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp V, xã Đ, huyện B, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/9/2024, văn bản trình bày ý kiến đề ngày 05/02/2025 và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Trần Chí Tg trình bày:

Nguyên đơn ông Trần Quốc T có cho vợ chồng ông Cao Văn L và bà Trần Thị N vay 02 lần với tổng số tiền cho vay là 200.000.000 đồng, các bên có làm

hợp đồng cho vay tiền và cùng ký tên, viết đầy đủ họ và tên. Cụ thể 02 lần cho vay như sau:

- Lần 1: Ngày 21/5/2023 cho vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, cho vay bằng tiền mặt, lãi suất 3%/tháng, ông L đã trả được 06 tháng tiền lãi suất thì ngưng đến nay.

- Lần 2: Ngày 02/9/2023 cho vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, cho vay bằng tiền mặt, lãi suất 4%/tháng, ông L đã trả được 03 tháng tiền lãi suất thì ngưng đến nay.

Khi vay tiền, vợ chồng ông L, bà N có đưa cho ông bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 105, tờ bản đồ số 5, diện tích 822,0 m^2, đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại V, huyện B, tỉnh T do ông L, bà N cùng đứng tên cấp ngày 11/5/2023 để làm tin. Số tiền vốn gốc đến nay vợ chồng ông L, bà N chưa trả và lãi suất không có đóng. Ông T đã nhiều lần đòi nợ nhưng vợ chồng ông L, bà N cứ hẹn nhiều lần nhưng không thực hiện.

Nay nguyên đơn ông Trần Quốc T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng ông Cao Văn L và bà Trần Thị N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Quốc T số tiền vốn vay 200.000.000 đồng và tiền lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày vi phạm theo thời hạn hợp đồng vay các bên đã ký kết cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên Tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Trần Chí Tvẫn giữ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với vợ chồng ông Cao Văn L và bà Trần Thị N.

* Bị đơn ông Cao Văn L các lần Tòa án triệu tập hòa giải, xét xử đều vắng mặt nên không có lời khai.

* Tại bản tự khai đề ngày 17/01/2025 và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông L là bà Trần Thị N trình bày:

Bà thừa nhận vợ chồng bà có vay tiền và hiện còn nợ ông Trần Quốc T số tiền vốn vay 200.000.000 đồng chưa trả. Ông Trần Quốc T khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà cùng liên đới trả nợ và tiền lãi suất bà đồng ý; nhưng do hoàn cảnh khó khăn vợ chồng bà xin trả hàng tháng là 7.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quốc T yêu cầu bị đơn ông Cao Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị N phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ vốn vay 200.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào 02 hợp đồng cho vay tiền đề ngày 21/5/2023 và ngày 02/9/2023 (Bút lục số 44 - 47) do nguyên đơn cung cấp đã thể hiện rõ số tiền ông L, bà N có vay của ông T 02 lần, số tiền là 200.000.000 đồng (Mỗi lần vay 100.000.000 đồng), có chữ ký, họ tên đầy đủ của ông L, bà N dưới mục bên B. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bà N cũng đã thừa nhận tại bản tự khai đề ngày 17/01/2025, vợ chồng bà còn nợ ông T số tiền vay này chưa

trả là 200.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử công nhận, nguyên đơn ông T không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, số tiền vay 200.000.000 đồng đến nay ông L, bà N chưa trả cho ông T là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, ông Trần Quốc T khởi kiện yêu cầu ông L, bà N phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay 200.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu trả lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 22/11/2023 và ngày 03/12/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 20/3/2025 của nguyên đơn ông Trần Quốc T. Hội đồng xét xử xét thấy: Các bên cho vay có làm hợp đồng và có thỏa thuận lãi suất vay, từ lúc nhận tiền vay đến nay phía ông L, bà N có trả lãi nhưng không đầy đủ, vốn chưa trả. Do đó, thời gian và mức lãi suất yêu cầu phải trả của phía nguyên đơn ông T là phù hợp khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Số tiền lãi suất ông L, bà N phải trả cho nguyên đơn ông T được tính như sau:

- 100.000.000 đồng (Lần 1) x 1,66% x 15 tháng 28 ngày (Ngày 22/11/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 20/3/2025) = 26.449.300 đồng.

- 100.000.000 đồng (Lần 2) x 1,66% x 15 tháng 17 ngày (Ngày 03/12/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 20/3/2025) = 25.840.700 đồng.

[3] Tổng cộng tiền vốn gốc và lãi suất phải trả cho nguyên đơn là 252.290.000 đồng (Gồm tiền vốn gốc 200.000.000 đồng, tiền lãi suất 52.290.000 đồng).

[4] Nguyên đơn ông Trần Quốc T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Cao Văn L và bà Trần Thị N phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Cao Văn L và bà Trần Thị N là vợ chồng hợp pháp, cùng ký tên vay tiền, số tiền nợ vay của ông T được hình thành thành trong thời kỳ hôn nhân giữa ông bà. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu vợ chồng chồng ông Cao Văn L và bà Trần Thị N cùng liên đới trả tiền nợ vay là hoàn toàn có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông Cao Văn L và bà Trần Thị N phải có trách nhiệm liên đới cùng trả số tiền nợ vay và lãi suất nêu trên cho nguyên đơn ông T là đúng quy định pháp luật tại Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, bà N cũng là người đại diện theo ủy quyền của ông L xin trả dần số tiền nợ nêu trên hằng tháng là 7.000.000 đồng nhưng không được nguyên đơn chấp nhận và các bên cũng không có thỏa thuận này nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Đây là giai đoạn thi hành án.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tuấn được chấp nhận toàn bộ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Ông Cao Văn L và bà Trần Thị N phải liên đới chịu án phí là:

252.290.000 đồng x 5% = 12.614.500 đồng (Mười hai triệu sáu trăm mười bốn nghìn năm trăm đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 288, 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 5, 92; Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quốc T đối với ông Cao Văn L và bà Trần Thị N.

2. Buộc ông Cao Văn L và bà Trần Thị N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ông Trần Quốc T số tiền nợ vay 252.290.000 đồng (Hai trăm năm mươi hai triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng) (Gồm tiền vốn gốc 200.000.000 đồng, tiền lãi suất 52.290.000 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Cao Văn L và bà Trần Thị N phải liên đới chịu 12.614.500 đồng (Mười hai triệu sáu trăm mười bốn nghìn năm trăm đồng).

Hoàn trả lại cho ông Trần Quốc T 5.684.750 đồng (Năm triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn bảy trăm năm mươi đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004119 ngày 25/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự trong vụ án có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bến Tre (*Phòng KTNV&THA*);
-VKSND huyện Bình Đại;
-Chi cục THA dân sự huyện Bình Đại;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương